

Số: **04** /2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **15** tháng **01** năm **2015**

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản rắn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8970/TTr-TNMT-QLTN ngày 08 tháng 12 năm 2014 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5998/STP-VB ngày 29 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường, xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP;
- Các cơ quan Báo, Đài;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên; TTCB;
- Lưu:VT, (ĐTMT-LHT) D.



Nguyễn Hữu Tín

QUY ĐỊNH

Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết việc quản lý, bảo vệ khoáng sản và hoạt động khoáng sản; hoạt động nạo vét kết hợp tận thu khoáng sản; việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Những căn cứ pháp lý đã được dẫn chiếu trong quy định khi có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế sẽ được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về khoáng sản và các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Khoáng sản* là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ.

2. *Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường* bao gồm danh mục các loại khoáng sản được quy định tại Khoản 1, Điều 64 Luật Khoáng sản.

3. *Hoạt động khoáng sản* bao gồm hoạt động thăm dò và hoạt động khai thác khoáng sản.

4. *Thăm dò khoáng sản* là hoạt động nhằm xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản và các thông tin khác phục vụ khai thác khoáng sản.

5. *Khai thác khoáng sản* là hoạt động nhằm thu hồi khoáng sản, bao gồm xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, phân loại, làm giàu và các hoạt động khác có liên quan.

6. Khai thác tận thu là hoạt động khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ;

7. Nạo vét kết hợp tận thu khoáng sản là hoạt động khai thông luồng lạch, điều chỉnh dòng chảy, kể cả việc đào ao hồ, cải tạo mặt bằng đất để canh tác mà sản phẩm là khoáng sản.

Điều 4. Những hành vi bị cấm

1. Lợi dụng hoạt động khoáng sản xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
2. Lợi dụng thăm dò để khai thác khoáng sản.
3. Thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.
4. Cản trở trái pháp luật hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản.
5. Cung cấp trái pháp luật thông tin về khoáng sản thuộc bí mật nhà nước.
6. Cố ý hủy hoại mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị hoặc quý hiếm.
7. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo Mục 2, Chương IX Luật Khoáng sản và Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 6. Cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Việc tổ chức phê duyệt đề án Cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện theo Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 7. Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

Việc khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo Điều 65, Luật Khoáng sản. Khối lượng khoáng sản do khai thác ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình được đầu tư bằng ngân sách của Thành phố, thì được các ngành chức năng tính toán giá trị và trình Ủy ban nhân dân Thành phố trừ vào nguồn cấp vốn.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, khai thác tận thu khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản có các quyền sau đây:
 - a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích thăm dò và khu vực thăm dò;

- b) Tiến hành thăm dò theo Giấy phép thăm dò khoáng sản;
- c) Chuyển ra ngoài khu vực thăm dò, kể cả ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng, chủng loại phù hợp với tính chất, yêu cầu phân tích, thử nghiệm theo đề án thăm dò đã được chấp thuận;
- d) Được ưu tiên cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn;
- đ) Đề nghị gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;
- e) Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;
- g) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- h) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;
- c) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò có chi phí lớn hơn 10% dự toán;
- d) Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra;
- đ) Thông báo kế hoạch thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;
- e) Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- g) Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp công trình thăm dò, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, đất đai; giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản;
- h) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện và phường - xã, thị trấn tổ chức cắm mốc ranh giới khu vực thăm dò; quản lý mốc ranh giới trong suốt thời gian thực hiện thăm dò;
- i) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích khai thác và khu vực được phép khai thác;

b) Tiến hành khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản;

c) Được thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, độ sâu được phép khai thác, nhưng phải thông báo khối lượng, thời gian thăm dò nâng cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép trước khi thực hiện;

d) Cát giữ, vận chuyển, tiêu thụ và xuất khẩu khoáng sản đã khai thác theo quy định của pháp luật;

đ) Đề nghị gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản;

e) Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;

g) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã được phê duyệt;

i) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường Thành phố;

b) Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

c) Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép; gửi hồ sơ thiết kế mỏ, Đánh giá tác động môi trường kèm theo bản sao giấy phép khai thác và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

d) Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

đ) Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản;

e) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

g) Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

h) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác khoáng sản;

i) Đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực;

k) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện và phường - xã, thị trấn tổ chức cắm mốc ranh giới khu vực khai thác; quản lý mốc ranh giới trong suốt thời gian thực hiện khai thác;

l) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản có quyền và nghĩa vụ như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản có các quyền quy định tại các Điểm b, d, đ, g, h và i Khoản 3, Điều này và không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

b) Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản có các nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép, các khoản thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, khai thác tận thu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải xin giấy phép khai thác

1. Trước khi tiến hành khai thác, tổ chức, cá nhân được quyền khai thác phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố.

2. Tuân thủ đúng nội dung thỏa thuận cho khai thác, tận thu khoáng sản.

3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đối với khối lượng khoáng sản khai thác, tận thu được.

4. Thực hiện đúng các yêu cầu ghi trong Bản đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông đường thủy và trật tự an ninh trong quá trình khai thác.

5. Ghi chép đầy đủ kết quả hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ và báo cáo định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi hoạt động khai thác theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 34 Quy định này.

6. Ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định và bồi thường thiệt hại nếu có do hoạt động khai thác gây ra.

7. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân hoạt động nạo vét luồng lạch kết hợp tận thu khoáng sản:

1. Đăng ký tận thu khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành nạo vét.

2. Công khai các giải pháp đảm bảo an toàn lòng sông, bờ sông; khoảng cách gàn bờ, độ sâu đáy sông khu vực thực hiện nạo vét; thả phao xác định ranh giới khu vực nạo vét dọc bờ sông.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn tổ chức cắm mốc quan trắc giám sát biến đổi đường bờ trong khu vực nạo vét; quản lý mốc quan trắc trong suốt thời gian thực hiện dự án.

4. Phải thực hiện quy trình nạo vét, vận chuyển sản phẩm về bãi tập kết theo đúng nội dung đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu phát hiện có hiện tượng sạt lở bờ sông, bờ kè, đê điều, cầu cống, biến đổi dòng chảy... phải dừng hoạt động nạo vét để đánh giá nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục. Chỉ được tiếp tục thực hiện hoạt động nạo vét khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Công khai thông tin nội dung đăng ký sản phẩm nạo vét, mặt cắt ngang lòng sông khu vực nạo vét trước và sau khi thực hiện dự án.

7. Phải đo độ sâu khu vực khai thác theo định kỳ 03 tháng/lần với sự tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn nơi có hoạt động khai thác;

8. Đóng thuế tài nguyên đối với khối lượng khoáng sản tận thu trong quá trình thực hiện dự án nạo vét.

Điều 11. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép phải đăng ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố kế hoạch hoạt động, gửi kèm theo tất cả các hồ sơ liên quan đến hoạt động khoáng sản đã được cấp phép. Báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 34 Quy định này.

2. Thực hiện các quy định khác của pháp luật.

Chương II
NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP PHÉP
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 12. Khai thác, khai thác tận thu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải xin giấy phép khai thác

1. Khai thác trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó.

2. Khai thác trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy định tại Khoản 1 Điều này phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Điều 13. Nguyên tắc và điều kiện để được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Việc cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

b) Mỗi tổ chức, cá nhân được cấp không quá 05 Giấy phép thăm dò khoáng sản, không kể Giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hiệu lực; tổng diện tích khu vực thăm dò không quá 04 kilômét vuông (km^2) ở đất liền, không quá 02 ki lô mét vuông (km^2) ở vùng có mặt nước.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật; có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò, đã công tác thực tế trong thăm dò khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất thăm dò, địa chất thuỷ văn, địa chất công trình, địa vật lý, khoan, khai đào và chuyên ngành khác có liên quan; có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản;

b) Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lựa chọn theo quy định hoặc trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò;

nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề theo Điểm a, Khoản này thì phải có hợp đồng với tổ chức có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản;

c) Có đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của Thành phố;

d) Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

3. Hộ kinh doanh được phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường khi có đủ điều kiện sau đây:

a) Được Ủy ban nhân dân Thành phố lựa chọn theo quy định hoặc trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; có hợp đồng với tổ chức có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để thực hiện đề án thăm dò;

b) Có đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của Thành phố;

c) Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản;

d) Diện tích khu vực xin thăm dò không quá 01 ha.

Điều 14. Nguyên tắc và điều kiện cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và khu vực dự trữ khoáng sản;

b) Không chia cắt khu vực khoáng sản có thể đầu tư khai thác hiệu quả ở quy mô lớn để cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho nhiều tổ chức, cá nhân khai thác ở quy mô nhỏ.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt của Thành phố. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp;

b) Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

3. Hộ kinh doanh được phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tận thu khoáng sản khi có đủ điều kiện sau đây:

a) Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò và phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của Thành phố. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác phù hợp;

b) Có bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

d) Quy mô công suất khai thác không quá 3.000m³ sản phẩm là khoáng sản nguyên khai/năm.

Chương III
THÀNH PHẦN HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN
CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

MỤC 1
THÀNH PHẦN HỒ SƠ CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHOÁNG SẢN

Điều 15. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

1. Văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 03); bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản; đề án thăm dò khoáng sản (theo Mẫu số 01);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bản cam kết bảo vệ môi trường đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; văn bản của ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản giao dịch xác nhận về vốn chủ sở hữu.

2. Văn bản trong hồ sơ gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (theo Mẫu số 04); báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Văn bản trong hồ sơ trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 05); Giấy phép thăm dò khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

4. Văn bản trong hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06); hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các Điểm b, c, d và e Khoản 2 Điều 8 của Quy định này và đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp nước ngoài.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Văn bản trong hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

1. Bản chính: Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Mẫu số 14); báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Mẫu số 33), các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản; biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định và Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Dữ liệu của tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này ghi trên đĩa CD (01 bộ).

Điều 17. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 07); bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 16); dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; giấy chứng nhận đầu tư; báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bản xác nhận có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

2. Văn bản trong hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08); bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 16); báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 28);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

3. Văn bản trong hồ sơ trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 09); bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 16); Giấy phép khai thác khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 28); đề án đóng cửa mỏ trong trường hợp trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 02);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

4. Văn bản trong hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 10); hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng; bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 16); báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 28);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

Điều 18. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Văn bản trong hồ sơ cấp phép khai thác tận thu khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 11); bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 16); dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đầu tư; báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Văn bản trong hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 12); báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 28);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực gồm: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

3. Văn bản trong hồ sơ trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 13); Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép (Mẫu số 28); đề án đóng cửa mỏ (Mẫu số 02);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của Quy định này tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

4. Văn bản trong hồ sơ đăng ký tận thu khoáng sản trong hoạt động nạo vét lòng lạch, được thành lập 01 bộ, theo hình thức như sau:

a) Văn bản đề nghị đăng ký sản phẩm tận thu nạo vét trong quá trình thực hiện dự án;

b) Tiến độ thực hiện dự án và các loại bản đồ: Bản đồ khoanh vị trí, toạ độ, diện tích, độ sâu thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt dự án; bản đồ phân khu thực hiện dự án theo kế hoạch, tiến độ; Kết quả khảo sát địa hình đáy sông trước khi thực hiện dự án; Vị trí tập kết vật liệu tận thu trong quá trình nạo vét;

c) Giấy tờ liên quan đến các phương tiện, thiết bị tham gia nạo vét; bản kê khai số lượng thiết bị kèm theo công suất nạo vét và công suất vận chuyển;

d) Khối lượng, sản phẩm tận thu trong quá trình nạo vét; Tổng khối lượng sản phẩm dự kiến thu được theo từng loại và dự kiến theo kế hoạch; Mẫu sổ sách ghi chép sản lượng, loại sản phẩm nạo vét hàng ngày;

đ) Các biện pháp bảo đảm an toàn đáy sông, bờ sông, hoạt động giao thông thuỷ và bảo vệ môi trường; Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình nạo vét;

e) Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép đăng ký tận thu sản phẩm nạo vét.

Tổ chức, cá nhân nộp một (01) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường và sao gửi 01 bộ hồ sơ cho Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi thực hiện dự án để phối hợp theo dõi giám sát. Việc đăng ký được thực hiện 06 tháng/lần.

Điều 19. Hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

Văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

1. Bản chính: Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 15); Giấy phép khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 02); bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (Mẫu số 16).

2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điều a, b, c, đ, e và g Khoản 4, Điều 8 của quy định này tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án;

b) 09 (chín) bản thuyết minh Đề án kèm theo các bản vẽ liên quan;

c) Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận (nếu có);

d) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được lập thành 01 bộ, theo hình thức sau:

a) Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung;

b) 09 (chín) bản thuyết minh Đề án bổ sung kèm theo các bản vẽ liên quan;

c) Đề án, Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận;

d) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

Nội dung Đề án cải tạo phục hồi môi trường và Đề án bổ sung được quy định tại Khoản 3, Điều 5, Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

MỤC 2

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

Điều 21. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép thăm dò khoáng sản

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

Thời gian tiếp nhận và thông báo về hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác là 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên;

b) Hết thời gian nêu tại Điểm a Khoản này, cơ quan tiếp nhận không tiếp nhận hồ sơ và tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;

Thời gian lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản là 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thông báo quy định tại điểm a khoản này.

c) Hết thời hạn quy định tại Điểm b Khoản này, trường hợp lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

2. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

Điều 22. Trình tự thẩm định đề án thăm dò khoáng sản

1. Thẩm định hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản được thực hiện như sau:

Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm hoàn thành các công việc sau:

a) Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa;

b) Gửi đề án thăm dò khoáng sản để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản;

Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được đề án thăm dò khoáng sản và văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, các cơ quan được lấy ý kiến và các chuyên gia được lấy ý kiến góp ý có trách nhiệm trả lời bằng văn bản các ý kiến và các góp ý về các vấn đề có liên quan.

c) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia và ý kiến của các cơ quan liên quan. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến góp ý và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

2. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 23. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị khai thác cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:

a) Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc quy định tại Điểm a Khoản này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

Trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được xem như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý.

c) Trong thời gian không quá 35 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

3. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 24. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị khai thác cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời gian không quá 15 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

3. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp phép khai thác tận thu khoáng sản từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 25. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

2. Việc thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá 03 ngày đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, kể cả kiểm tra thực địa;

b) Trong thời gian không quá 30 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

3. Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:

a) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá 03 ngày trong trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá 02 ngày làm việc, đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả.

Điều 26. Trình tự thực hiện thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản

1. Tiếp nhận hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo quy định. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ ngay sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ nộp phí thẩm định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

2. Việc kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo;

kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;

b) Trong thời gian không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu tại Điểm a Khoản này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản hoặc thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật nếu thấy cần thiết. Thời gian trả lời của các chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp xét thấy cần thiết phải thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, quyết định. Thời gian không quá 20 ngày từ khi thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật đến khi kết thúc phiên họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các ý kiến góp ý của các chuyên gia hoặc khi kết thúc phiên họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành biên bản tổng hợp ý kiến góp ý của các chuyên gia hoặc biên bản họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.

3. Việc thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò được thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều này; cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu để trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, kèm theo biên bản tổng hợp ý kiến góp ý của các chuyên gia hoặc biên bản họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật.

Thời gian tổ chức, cá nhân đang hoàn chỉnh báo cáo trữ lượng khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

4. Trả kết quả phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

Điều 27. Trình tự thủ tục thực hiện phê duyệt đề án Cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề án quy định như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP;

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn thuộc đối tượng phải làm Cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung là cơ quan thẩm định, phê duyệt Đề án.

3. Việc thẩm định Đề án hoặc Đề án bổ sung được thực hiện thông qua hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xem xét tính đúng đắn, hợp lệ về cơ sở pháp lý, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, khoản tiền ký quỹ trong Đề án hoặc Đề án bổ sung.

4. Đối tượng lập Đề án và Đề án bổ sung

Mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản phải lập Đề án trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Cụ thể gồm các đối tượng sau:

4.1. Các đối tượng sau phải lập Đề án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản nhưng chưa có Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt theo quy định hoặc chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

4.2. Các đối tượng sau phải lập Đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản về diện tích, độ sâu, công suất khai thác;

b) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản;

c) Tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi phương án cải tạo, phục hồi môi trường so với Đề án đã được phê duyệt.

4.3. Các trường hợp sau không phải lập Đề án:

a) Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản đã có Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt và đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định;

b) Tổ chức, cá nhân khai thác vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại Khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản.

5. Quy trình thẩm định như sau:

5.1. Đề án của tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì thẩm định cùng với báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

5.2. Đề án của tổ chức, cá nhân có dự án khai thác khoáng sản thuộc đối tượng lập bản cam kết bảo vệ môi trường, được thẩm định như sau:

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định tiến hành rà soát, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ;

b) Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định tổ chức họp Hội đồng thẩm định; thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân biết; trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày tổ chức họp Hội đồng thẩm định, tổ chức, cá nhân phải chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án hoặc Đề án bổ sung và gửi lại cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định để xem xét, phê duyệt;

c) Trong quá trình xem xét nội dung chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án hoặc Đề án bổ sung theo kết quả họp hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định có thể thông báo bằng văn bản hoặc gửi văn bản điện tử cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung trong trường hợp Đề án hoặc Đề án bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu;

d) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ đã hoàn chỉnh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung;

đ) Sau khi ban hành quyết định phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung, cơ quan phê duyệt phải chứng thực vào mặt sau trang phụ bì; gửi cho tổ chức, cá nhân và các đơn vị liên quan.

6. Thời hạn thẩm định Đề án hoặc Đề án bổ sung như sau:

a) Thời hạn thẩm định tối đa là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với những dự án phức tạp về cải tạo, phục hồi môi trường, thời hạn thẩm định là 45 (bốn mươi lăm) ngày;

b) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa trước khi tổ chức thẩm định. Thời gian khảo sát và thời gian hoàn chỉnh lại hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

Điều 28. Trình tự thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ

1. Thời gian thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không quá 60 (sáu mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thành phần, số lượng hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Quy định này;

b) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu có trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

3. Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Trong thời gian không quá 28 (hai tám) ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc: xem xét hồ sơ; tổ chức kiểm tra tại thực địa; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

b) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình trình Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng phải tổ chức phiên họp Hội đồng;

d) Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hoàn thành biên bản họp Hội đồng thẩm định. Trường hợp phải bổ sung, hiệu chỉnh để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo bản sao biên bản họp Hội đồng thẩm định;

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định;

đ) Nội dung thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

4. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được thông qua, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành biên bản họp Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề án đóng cửa mỏ;

b) Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

5. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt có văn bản báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của tổ chức, cá nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

Kết quả kiểm tra thực địa và nghiệm thu được thể hiện bằng văn bản.

6. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản quyết định đóng cửa mỏ. Hồ sơ trình quyết định đóng cửa mỏ được quy định như sau:

- Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản kèm theo bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Biên bản kiểm tra thực địa và kết quả nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

- Dự thảo quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

b) Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 29. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản đối với các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 30. Hình thức tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản được gửi trực tiếp hoặc bằng bưu điện đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản được nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Việc trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 31. Thời hạn của giấy phép

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản có thời hạn không quá 48 tháng và có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 48 tháng; mỗi lần gia hạn, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải trả lại ít nhất 30% diện tích khu vực thăm dò khoáng sản theo giấy phép đã cấp.

Thời hạn thăm dò khoáng sản bao gồm thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản và thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản; trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn thăm dò là thời gian còn lại của Giấy phép thăm dò khoáng sản đã cấp trước đó.

2. Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn không quá 30 năm và có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm.

Trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn khai thác là thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó.

Điều 32. Thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 06 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2, Điều 8 của Quy định này mà không khắc phục trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản có thông báo bằng văn bản;

c) Khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- a) Vùng khai thác mới phát hiện có khoáng sản khác có giá trị cao hơn;
- b) Mở khai thác nằm trong khu quy hoạch mới là đất nông nghiệp, đất rừng phòng hộ;
- c) Hoạt động khai thác gây tác động xấu đến môi trường sinh thái, cảnh quan khu vực, làm hư hại các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng, di tích văn hóa, lịch sử, các công trình quốc phòng và địa hình có giá trị quân sự.

3. Thu hồi giấy phép tận thu khoáng sản:

Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điểm b, Khoản 5 Điều 6 của Quy định này;

b) Khu vực khai thác tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Khi Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi hoặc hết hạn thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực khai thác, thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

Trường hợp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Giấy phép hoạt động khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép bị thu hồi;
- b) Giấy phép hết hạn;
- c) Giấy phép được trả lại;
- d) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản giải thể hoặc phá sản.

2. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp công trình thăm dò, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, đất đai; giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đang đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến

việc đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan; đồng thời di chuyển tài sản còn lại của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản; sau thời hạn này, tài sản còn lại thuộc sở hữu nhà nước.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ THANH KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 34. Chế độ báo cáo trong hoạt động khoáng sản

1. Quy định về báo cáo định kỳ

a) Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng/lần và hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường và cho Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi thực hiện hoạt động khoáng sản. Thời hạn báo cáo 6 tháng đầu năm chậm nhất vào ngày 05 tháng 6 và báo cáo năm chậm nhất vào ngày 05 tháng 01 năm sau. Riêng các trường nạo vét kết hợp tận thu khoáng sản, báo cáo 03 tháng/lần;

Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản theo giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường nộp báo cáo định kỳ như trên cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng/lần và hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình kiểm tra hoạt động khoáng sản trên địa bàn mình quản lý;

Thời hạn báo cáo và chậm nhất ngày 05 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng đầu năm) và ngày 05 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm).

c) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ 06 tháng/lần và hàng năm cho Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố.

Thời hạn báo cáo và chậm nhất ngày 15 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng đầu năm) và ngày 15 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm) gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tổng Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam).

2. Quy định về báo cáo đột xuất

Được thực hiện khi xảy ra tình huống đột xuất tại địa bàn quản lý của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản và của chính quyền địa phương hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Các biểu mẫu báo cáo đính kèm theo quy định này

a) Tổ chức, cá nhân báo cáo theo Mẫu số 27 đối với hoạt động thăm dò và Mẫu số 28 đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường báo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 29, 30, 31 và 32.

Điều 35. Thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên khoáng sản. Giải quyết hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản theo thẩm quyền.

2. Thanh tra các sở, ngành, cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thành phố theo đúng quy định.

Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động thanh, kiểm tra hoạt động khoáng sản

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn thanh tra và Thanh tra viên thi hành nhiệm vụ.

2. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra phải chấp hành quyết định của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên chuyên ngành trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản.

3. Nghiêm cấm cản trở các hoạt động kiểm tra, thanh tra về khoáng sản của người thi hành công vụ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 37. Nội dung thanh, kiểm tra hoạt động khoáng sản

1. Thanh, kiểm tra việc chấp hành theo các quy định về:

a) Nội dung giấy phép hoạt động khoáng sản;

b) Giữ gìn bí mật Nhà nước về tài nguyên khoáng sản;

c) Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản;

d) Thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản.

2. Phối hợp với Thanh tra Nhà nước về lao động và thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.

Điều 38. Giải quyết tranh chấp các hoạt động khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giải quyết tranh chấp về quyền hoạt động khoáng sản phát sinh từ việc sử dụng các loại giấy phép hoạt động khoáng sản do Ủy ban nhân dân Thành phố cấp.

2. Trong trường hợp các bên liên quan không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của Sở Tài nguyên và Môi trường thì có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; hoạt động khoáng sản; đấu giá khai thác khoáng sản; xây dựng đơn giá tính thuế tài nguyên cho các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn Thành phố và các quy định khác về tài chính.

3. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc tổ chức xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý tài nguyên khoáng sản, đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn khoáng sản phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Thành phố và bảo vệ tài nguyên môi trường.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng trong việc lập, rà soát và điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; xác định khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thủ tục ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường khi được cấp phép khai thác khoáng sản.

6. Cung cấp thông tin cho các sở ngành liên quan về quy hoạch khoáng sản, trữ lượng các mỏ khoáng sản; tài liệu và thông tin về tình hình cấp phép, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, khai thác tận thu khoáng sản, kết quả thực hiện việc đóng cửa mỏ khoáng sản (đề án và quyết định), khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản.

7. Là cơ quan đầu mối tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cấp giấy phép khai thác, khai thác tận thu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.

8. Tổ chức đăng ký khối lượng tận thu khoáng sản trong hoạt động nạo vét lòng lạch; đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải xin phép; tổ chức kiểm tra việc thực hiện sau giấy phép và xử lý hành vi vi phạm theo quy định.

9. Tiến hành kiểm tra công suất, khối lượng, thiết bị, kế hoạch khai thác do tổ chức cá nhân đăng ký và có văn bản thỏa thuận các nội dung đã đăng ký cho các tổ chức và cá nhân đối với các trường hợp khai thác không phải xin phép theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

10. Chịu trách nhiệm giao giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, giấy đăng ký hoạt động khoáng sản theo quy định hoặc trả lời bằng văn bản về lý do giấy phép không được cấp.

11. Báo cáo đầy đủ cho Ủy ban nhân dân Thành phố và thông báo cho Ủy ban nhân dân quận - huyện biết để phối hợp quản lý đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký khai thác khoáng sản.

12. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan hữu trách, cơ quan thuộc các tỉnh, thành phố giáp ranh trong công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản từ khâu quy hoạch, cấp phép, kiểm tra việc thực hiện sau giấy phép.

13. Phối hợp với Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép.

14. Xây dựng quy chế phối hợp với các tỉnh giáp ranh trong việc kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản.

15. Tuyên truyền, giáo dục và giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về khoáng sản đối với tổ chức, cá nhân ở địa phương.

16. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Sở Tài chính

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện, các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hàng năm cho các đơn vị để tổ chức kiểm tra bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, kiểm tra ngăn ngừa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đơn giá tính thuế tài nguyên cho các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

3. Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố quy định mức thu, quản lý và sử dụng tkinh phí đóng góp, hỗ trợ chi phí duy tu, nâng cấp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

4. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Sở Công Thương

1. Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các tổ chức, cá nhân hoạt động chế biến khoáng sản trên địa bàn Thành phố, đảm bảo thực hiện đúng các quy định trong hoạt động trong lĩnh vực chế biến khoáng sản, thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ về công nghiệp khai thác mỏ và chế biến, xuất khẩu khoáng sản, kiểm tra các vấn đề liên quan dây chuyền công nghệ, thiết bị khai thác và các vấn đề trong hoạt động khai thác mỏ.

2. Có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với Thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản thuộc nhóm B, C xây dựng tại địa phương theo quy định tại Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương.

3. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; Xác định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng định mức quy đổi từ sản phẩm nguyên khai ra thành phẩm sau chế biến đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

4. Tham gia ý kiến đối với thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu cho sản xuất xi măng thuộc nhóm B, C xây dựng tại Thành phố theo quy định tại Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương.

5. Theo dõi, tổng hợp các dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng và vật liệu cho sản xuất xi măng trên địa bàn Thành phố.

6. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Cục Thuế Thành phố

1. Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý việc đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý việc đăng ký, đăng kiểm các phương tiện giao thông thủy phục vụ hoạt động khoáng sản, đặc biệt là các ghe, tàu có gắn thiết bị bơm hút cát.

2. Chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan thẩm định dự án nạo vét luồng lạch có tận thu khoáng sản do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

3. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan khảo sát, lập kế hoạch nạo vét các tuyến luồng thuộc thẩm quyền Thành phố quản lý có tận thu khoáng sản, đảm bảo phù hợp với quy hoạch. Xây dựng phương án sử dụng khoáng sản trong hoạt động nạo vét để phục vụ san lấp mặt bằng cho các dự án của thành phố có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

1. Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các hành vi vi phạm quy định về pháp luật về an toàn và vệ sinh lao động trong hoạt động khoáng sản;

2. Thực hiện các công việc khác theo quy định pháp luật.

Điều 46. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án khai thác khoáng sản có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Thực hiện các công việc khác theo quy định pháp luật.

Điều 47. Công an Thành phố

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn Thành phố. Đặc biệt là khai thác cát sỏi trái phép trên các sông rạch.

2. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra, ngăn chặn các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn Thành phố. Đặc biệt là hoạt động khai thác cát trái phép trên sông rạch.

Điều 48. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản ở khu vực liên quan đến đất công trình an ninh, quốc phòng và khu vực phòng thủ của Thành phố.

2. Kiểm tra, thẩm định cho ý kiến đối với các hoạt động khoáng sản có liên quan đến an ninh, quốc phòng.

3. Theo chức năng và quyền hạn, tổ chức kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác cát lậu, đặc biệt trên vùng biển Cần Giờ, khu vực giáp ranh với các tỉnh, thành phố.

4. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản thuộc địa bàn mình quản lý.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cấm mốc, bàn giao khu vực khai thác mỏ cho các tổ chức, cá nhân được cấp phép.

3. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu về tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản.

6. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục giao đất, cho thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các vấn đề khác có liên quan cho các tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

7. Chỉ đạo các ban, ngành liên quan thuộc thẩm quyền tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan hữu trách trong công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản từ khâu quy hoạch, cấp phép, kiểm tra việc thực hiện sau giấy phép.

9. Chủ trì và phối hợp với Công an địa phương và các đơn vị liên quan, hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức lực lượng và kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản không phép và trái phép; giám sát quá trình phục hồi môi trường sau khi diễn ra các hoạt động khai thác khoáng sản và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm có biện pháp ngăn chặn suy thoái môi trường.

10. Kiểm tra, xác nhận cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án phải lập cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố nếu để xảy ra các hành vi thăm dò, khai thác trái phép trên địa bàn quản lý.

Điều 50. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

1. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khoáng sản trái phép; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục cho thuê đất, cơ sở hạ tầng cho tổ chức, cá nhân thuê, sử dụng để thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Thường xuyên kiểm tra theo thẩm quyền, thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện biết để phối hợp xử lý các trường hợp hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn, phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra các hoạt động khoáng sản, tham mưu Ủy ban nhân dân quận - huyện xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản không phép, trái phép và các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường không thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

6. Chịu trách nhiệm báo cáo trước Ủy ban nhân dân quận - huyện về các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn quản lý.

Điều 51. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn kịp thời báo cáo, đề xuất. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín



PHỤ LỤC

Mẫu đề án thăm dò khoáng sản, đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp
phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản,
hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2015/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Mẫu số	Tên Mẫu
Mẫu số 01	Đề án thăm dò khoáng sản
Mẫu số 02	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản
Mẫu số 04	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản
Mẫu số 05	Đơn đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản)
Mẫu số 06	Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
Mẫu số 07	Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản
Mẫu số 08	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản
Mẫu số 09	Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)
Mẫu số 10	Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 11	Đơn đề nghị cấp phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 12	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 13	Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
Mẫu số 14	Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản
Mẫu số 15	Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)
Mẫu số 16	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
Mẫu số 27	Báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản
Mẫu số 28	Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản

Mẫu số 29	Báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản
Mẫu số 30	Bảng số liệu tổng hợp về tình hình cấp giấy phép thăm dò khoáng sản Bảng số liệu tổng hợp về hoạt động thăm dò khoáng sản (của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
Mẫu số 31	Bảng số liệu tổng hợp về tình hình cấp giấy phép khai thác khoáng sản Bảng số liệu tổng hợp về hoạt động khai thác khoáng sản (của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
Mẫu số 33	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
Mẫu số 35	Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
Mẫu số 36	Phiếu tiếp nhận hồ sơ hoạt động khoáng sản
Mẫu số 37	Phiếu hẹn giải quyết hồ sơ hoạt động khoáng sản